TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 217/2023/HS-ST
Ngày 27 - 11 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa Bà Vũ Thiên Hương
Các Hội thẩm nhân dân Ông Lương Văn Thoại
Bà Nguyễn Thị Chấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Đình T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Phùng Xuân Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2023 tại Phòng xét xử - Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 222/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

Lê Văn T, sinh năm 1992; HKTT: Thôn P D (Nay là xóm 4), xã X, huyện G, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Không xác định và con bà Võ Thị L, sinh năm 1962, Họ tên vợ: Đỗ Thị N, sinh năm 1988; có 02 con lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không (Theo danh chỉ bản số 397, lập ngày 13/8/2023 của Công an huyện K, TP Hà Nội). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/8/2023, đến ngày 14/8/2023 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố Hà Nội. *"Có mặt"*.

Đinh Thị J, sinh năm 1976; HKTT: Thôn Q, xã J, huyện K, TP Hà Nội; Trình bày tại Tòa nơi ở từ năm 2015 đến nay không đăng ký tạm trú: Thôn X, xã J, huyện K, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đinh Văn B, sinh năm 1946 và con bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1951, Họ tên chồng: Nguyễn Thành H, sinh năm 1972 (đã ly hôn 2021); có 02 con lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không (Theo danh chỉ bản số 400, lập ngày 13/8/2023 của Công an huyện K, TP Hà Nội). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/8/2023, đến ngày 14/8/2023 chuyển tạm giam. Ngày 07/9/2023 hủy bỏ biện pháp tạm giam,

áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *"Có mặt"*.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đào Anh T, sinh năm 1995; HKTT: Thôn T, xã D, huyện K, TP Hà Nội. *"Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt"*

2. UBND xã J, huyện K, Hà Nội. Địa chỉ: xã J, huyện K, Hà Nội. "Vắng mặt"

3. Ông Đỗ Thành D, sinh năm 1976, cư trú: Q, J, K, Hà Nội. "Vắng mặt"

* Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Duy L, sinh năm 2003; HKTT: Thôn 2, xã D, huyện G, tỉnh Hưng Yên. *"Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt"*

- Anh Nguyễn Xuân M, sinh năm 1994; HKTT: Thôn 2, xã D, huyện G, tỉnh Hưng Yên. *"Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt"*

- Chị Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 19/02/2005; HKTT: Ấp 2, xã Lý, huyện D, tỉnh Đồng Nai. *"Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt"*

- Chị Lò Thị P, sinh ngày 10/01/2004; HKTT: Bản Ta, xã M, huyện J, tỉnh Điện Biên. *"Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt"*

- Chị Hoàng Thị U, sinh năm 2000; HKTT: Thôn 5 Mi, xã H, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.*"Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt"*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản thân T hiện đang làm việc tại quán Karaoke HK68 do Đinh Thị J làm chủ, J thuê T làm Nệm vụ quản lý, phân công nhân viên nữ, thu tiền khách đến hát sau đó đưa cho J, mức lương là 8.000.000 đồng/tháng. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 04/8/2023, Đào Anh T, Nguyễn Xuân M và Nguyễn Duy L đi uống bia tại khu vực thị trấn Q, huyện K, Hà Nội, đến khoảng 13 giờ cùng ngày, Đào Anh T rủ M và L đi hát Karaoke, M và L đồng ý. Sau đó, T, M và L thuê xe taxi đến quán Karaoke HK68 ở thôn X, J, K do Đinh Thị J làm chủ. Khi đến nơi, T bảo J chuẩn bị phòng hát và cho 03 nhân viên nữ phục vụ rót bia, J đồng ý, bảo nhóm của T lên phòng VIP 3 tầng 3 của quán Karaoke. Khi hát, T tự nảy sinh ý định mua ma Ty về sử dụng nên không bàn bạc, thống nhất với những người khác trong phòng hát, T sử dụng điện thoại gọi qua ứng dụng Zalo cho Lê Văn T nhân viên quản lý của quán hát để nhờ T mua hộ 03 viên ma Ty Kẹo, 01 chỉ ma Ty Ke với giá 4.500.000 đồng và mang lên phòng VIP 3 quán Karaoke của J, T đồng ý. Sau đó, Lê Văn T sử dụng điện thoại nhãn hiệu OPPO màu xanh, lắp sim liên lạc số sim 1: 0395797959, sim 2: 0827140692liên hệ qua ứng dụng Zalo với tài khoản "A Thủy ô tô", có số điện thoại: 0328268586 để hỏi mua ma Ty cho T với giá 4.500.000 đồng. Người này

đồng ý bán và cho T hưởng 10% số tiền bán ma Ty (T được hưởng lợi số tiền 450.000 đồng). Sau khi mua được ma Ty, T từ phòng trọ đi đến quán Karaoke của J để giao ma Ty cho T. Tại phòng VIP 3 tầng 3 của quán Karaoke, T đưa cho T 01 gói giấy màu trắng bên trong có 01 Ti niL màu trắng chứa 03 viên nén màu cam và 01 Ti niL màu trắng chứa tinh thể màu trắng là ma Ty Ketamine. Sau khi nhận được ma Ty, T chuyển tiền qua tài khoản cho T số tiền 4.700.000 đồng, T cho T thêm 200.000 đồng. Khi T biết T sẽ sử dụng ma Ty tại phòng hát, do nghĩ rằng việc này sẽ làm tăng lượng khách đến hát và sẽ được tăng thu nhập nên T đã để cho T sử dụng ma Ty tại phòng VIP 3 của quán, T cầm dây loa cắm chuyển nhạc để tăng độ kích thích khi T sử dụng ma Ty, khi T đi xuống gặp J thì J bảo T quản lý quán, phục vụ khách. Sau đó, T tự lấy Ti ma Ty Ketamine đổ một phần ra đĩa sứ và sử dụng thẻ ngân hàng có sẵn trên bàn phòng hát nghiền nhỏ ma Ty ra và dùng tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng quấn thành ống hút, hút hết số ma Ty vừa đổ ra, sau khi sử dụng ma Ty xong T đi vào phòng vệ sinh, quá trình đi vệ sinh T làm rơi Ti niL chứa 03 viên ma Ty và Ti niL chứa tinh thể màu trắng vào bồn vệ sinh và xả nước mất, ngoài T ra thì không có ai khác sử dụng ma Ty. Khi cả nhóm đang uống bia, nghe nhạc thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện, thu giữ tang vật, đưa các đối tượng về trụ sở làm việc. Ngày 04/8/2023, là lần đầu tiên T bán ma Ty và cho khách đến hát sử dụng ma Ty tại quán, việc T mua bán trái phép chất ma Ty cho khách thì Đinh Thị J không biết.

Đinh Thị J khai nhận: Bản thân Đinh Thị J là chủ quán Karoke HK 68, địa chỉ tại: thôn X, xã J, huyện K, Hà Nội và thuê Lê Văn T làm quản lý quán với mức lương 8.000.000 đồng/tháng, T có Nệm vụ quản lý, phân công nhân viên nữ, thu tiền khách đến hát đưa lại cho J. Do muốn tăng lượng khách đến quán Karaoke nhằm có thêm thu nhập nên Đinh Thị J nảy sinh ý định cho khách đến hát sử dụng trái phép chất ma Ty tại quán và chuẩn bị đĩa sứ, thẻ nhựa ngân hàng để phục vụ khách đến hát có nhu cầu sử dụng ma Ty. Khoảng 14 giờ ngày 04/8/2023, khi J đang ở quán có Đào Anh T, Nguyễn Xuân M và Nguyễn Duy L đi Taxi đến quán hát Karaoke của J để thuê phòng hát và thuê 03 nhân viên nữ phục vụ là Lò Thị P, Lê Thị Quỳnh N và Hoàng Thị U; J bảo T, M và L lên phòng VIP 3 tầng 3 của quán hát. Khoảng 01 giờ sau thì Lò Thị P xuống lấy đĩa sứ và thẻ nhựa cho khách, đồng thời nói với J là T sử dụng ma Ty tại phòng VIP 3 của quán, J đồng ý. Sau đó, J thấy Lê Văn T đến quán Karaoke và đi lên phòng VIP 3. Một lúc sau thì lực lượng Công an kiểm tra phát hiện tại phòng VIP 3, Đào Anh T có hành vi sử dụng ma Ty. Ngày 04/8/2023, khi biết khách sử dụng ma Ty tại quán J đã đồng ý và bảo T quản lý quán, phục vụ khách, đây là lần đầu tiên J cho khách đến hát sử dụng trái phép chất ma Ty tại quán. Giữa J và T chưa có sự bàn bạc thống nhất về việc phân công, phân Nệm khi có khách đến hát sử dụng ma Ty tại quán. Về nguồn gốc số ma Ty do T sử dụng, J không biết do đâu mà có, không biết việc Lê Văn T có hành vi mua bán trái phép chất ma Ty với khách

Bắt quả tang thu giữ vật chứng gồm: 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng trên bề mặt có dính tinh thể màu trắng, 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền mệnh giá 20.000

đồng, 01 thẻ ngân hàng AgriDnk màu xanh trên bề mặt có dính chất bột màu trắng. Ngoài ra còn thu giữ của T 01 điện thoại Iphone Xsmax đen có sim; thu giữ của P 01 điện thoại Iphone 12 màu trắng có sim; thu giữ của N 01 điện thoại Iphone Xsmax màu trắng có sim; thu giữ của U 01 điện thoại Iphone 11 màu vàng có sim; thu giữ của J 01 điện thoại Iphone màu vàng có sim và 01 ổ cứng lưu trữ hình ảnh Camera của quán Karaoke; thu giữ của T 01 điện thoại Oppo màu xanh có sim và 01 điện thoại Redme màu xanh đen.

Tại Kết luận giám định số 5333/KL-KTHS ngày 11/8/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP Hà Nội kết luận: "01 *Đĩa sứ hình tròn màu trắng trên bề mặt có dính tinh thể màu trắng; 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng; 01 thẻ Ngân hàng AgriDnk đều có dính ma Ty loại Ketamine".*

Bản cáo trạng số 223/CT-VKSGL ngày 02/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Lê Văn T về tội Mua bán trái phép chất ma Ty theo khoản 1 Điều 251 BLHS, truy tố Lê Văn T, Đinh Thị J về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma Ty theo khoản 1 Điều 256 BLHS.

Tại phiên tòa, bị cáo T, J khai nhận hành vi đúng như cáo trạng truy tố không sửa đổi hay bổ sung gì thêm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ ngU quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phù hợp với lời khai của bị cáo T, J tại cơ quan điều tra thấy rằng:

Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 24 đến 28 tháng tù về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma Ty và 24 đến 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma Ty. Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm Nều tội theo Điều 55 BLHS bị cáo T phải chấp hành hình phạt là 48 đến 58 tù. Hạn tù tính từ ngày 05/8/2023.

Xử phạt bị cáo Đinh Thị J từ 18 đến 22 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ những ngày tạm giữ tạm giam từ 05/8/2023 đến ngày 07/9/2023.

Về hình phạt bổ sung: Do hai bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên đề nghị không áp dụng.

Về vật chứng:

+ 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng trên bề mặt có dính tinh thể màu trắng, 01 tờ tiền 20.000 đồng, 01 thẻ Ngân hàng AgriDnk đều có dính ma Ty cho tịch thu tiêu hủy đĩa và thẻ, tờ tiền cho tịch thu sung công.

+ Điện thoại Iphone thu giữ của T, là tài sản của anh Thắng, cơ quan điều tra đã trao trả đề nghị không xem xét. Đối với các điện thoại của P, U, N không liên quan đến việc phạm tội đã trao trả đề nghị không xem xét.

+ Đối với 01 điện thoại Iphone màu vàng, 01 ổ cứng thu giữ của J không liên

quan đến tội phạm trả lại cho J

+ Đối với 01 cáp truyền dữ liệu màu trắng kết nối với loa của phòng Vip3 là dùng vào việc cắm chuyển nhạc cho T sử dụng ma Ty cho tịch thu tiêu hủy

+ Đối với 01 điện thoại Oppo thu giữ của T sử dụng vào việc mua bán ma Ty cho tịch thu sung công.

+ Đối với 01 điện thoại Redme thu giữ của T không liên quan đến tội phạm, trả lại cho T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo trình tự thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Ngoài ra quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì khác về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Xét về việc vắng mặt anh Đào Anh T, UBND xã J, ông Đỗ Thanh D là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, các người làm chứng gồm anh Nguyễn Duy L, anh Nguyễn Xuân M, chị Lê Thị Quỳnh N, chị Lò Thị P, chị Hoàng Thị U: Đây là phiên tòa lần đầu vắng mặt không có lý do nhưng ông T đã có đơn xin xử vắng mặt, đã có lời khai tại cơ quan điều tra, không có yêu cầu gì cần giải quyết trong vụ án. HĐXX xét thấy việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, căn cứ Điều 292, 293 BLTTHS quyết định tiếp tục xét xử vụ án là có căn cứ.

[3] Về hành vi phạm tội: Xét thấy anh T bị bắt quả tang khi đang sử dụng ma Ty là Ketamin tại phòng Vip3 của quán Karaoke HK 68 thôn X, xã J, huyện K, Hà Nội có sự đồng ý của Lê Anh T – người quản lý quán hát và Đinh Thị J – chủ quán hát, T trực tiếp cung cấp ma Ty để T sử dụng ma Ty tại phòng hát, J thì biết T sử dụng ma Ty qua việc nhân viên của J tên Lò Thị P báo với J là T sử dụng ma Ty tại phòng hát, J ý thức được việc đó và sẽ thu tiền phòng hát với giá của người sử dụng ma Ty tại phòng hát. Lời khai của T, của T, của J và của P phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của Nguyễn Xuân M, Nguyễn Duy L, Lê Thị Quỳnh N, Hoàng Thị U là nhìn thấy T sử dụng ma Ty tại phòng hát Vip3. Nên đủ cơ sở kết luận Lê Văn T, Đinh Thị J có hành vi chứa chấp Đào Anh T sử dụng trái phép chất ma Ty tại phòng Vip3 của quán Karaoke HK68 thôn X, xã J, huyện K do J làm chủ, T làm quản lý vào khoảng 15 giờ 10 ngày 04/8/2023.

Quá trình điều tra T khai mua ma Ty của T với giá 4.500.000 đồng 3 viên ma Ty tổng hợp và 1 chỉ ma Ty Ke, T chuyển khoản cho T 4.700.000 đồng trong đó có 4.500.000 đồng tiền mua ma Ty và 200.000 đồng T cho T có công mua ma Ty

cho T, đã thu thập được chứng cứ chuyển khoản của T và T, lời khai của T và T trùng nhau, đã thân dẫn những địa điểm để ma Ty, phù hợp với lời khai của người làm chứng là T, U, N, L, M đều nhìn thấy T vào đưa ma Ty cho T tại phòng Vip3. T không khai báo được người bán ma Ty mà T mua giúp T, nên T phải chịu trách Nệm là người cung cấp ma Ty cho T và có hưởng lợi vì T chuyển khoản tiền mua ma Ty cho T, nên đủ cơ sở kết luận T bán ma Ty cho T 03 viên ma Ty tổng hợp và 01 chỉ ma Ty Ketamine. Tuy Nên không thu giữ được ma Ty vì T khai bị rơi xuống bồn cầu dội nước trôi mất, chỉ thu được đĩa sứ, thẻ ngân hàng xào ke, tờ tiền quấn để hút ma Ty có dính Ketamine mà T vừa sử dụng. Tuy không thu được ma Ty để giám định khối lượng, điều luật quy định người nào mua bán ma Ty là đủ yếu tố cấu thành khoản 1 Điều 251 BLHS, nên hành vi của T đã đủ yếu tố cấu thành theo khoản 1 Điều 251 BLHS.

Hành vi của các bị cáo T, J đều phạm tội liên quan đến chất ma Ty, là khách thể được Bộ luật hình sự bảo vệ là sự độc quyền của Nhà nước về chất ma Ty, bị cáo T trực tiếp mua bán ma Ty mầm mống reo rắc cái chết trắng cho thanh thiếu niên, là nguy cơ gây ra các loại tội phạm khác khi đã sử dụng ma Ty, bị cáo T, J chứa chấp cho người khác sử dụng ma Ty tại nơi mình quản lý tiếp tay cho người khác sử dụng ma Ty, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian trong khung hình phạt để răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung. Hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma Ty, T và J đồng phạm, T là người đầu tiên đồng ý, cung cấp ma Ty cho T để T sử dụng, chỉ khi nhân viên xuống lấy đĩa, thẻ lên thì J mới được biết, nên hành vi này vai trò của T quan trọng hơn J nên hình phạt của T phải cao hơn J là có căn cứ. Đối với hành vi mua bán ma Ty của T là độc lập.

Về nhân thân: T và J đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS; J phạm tội chứa chấp cho 1 người sử dụng, lại không phải người khơi mào, chỉ khi T sắp xếp xong, nhân viên xuống lấy công cụ phương tiện thì J mới được biết và T đến thì J giao lại cho T quản lý quán Karaoke nên vai trò của J trong vụ án là đồng phạm giúp sức về tinh thần nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ gây thiệt hại không lớn theo điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS với bị cáo J là có căn cứ.

Do bị cáo J có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên cho bi cáo được hưởng Điều 54 BLHS để cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới khung của hình phạt để bị cáo sớm có cơ hội trở về nuôi dạy 02 con do hoàn cảnh bị cáo đã ly hôn, một mình nuôi 2 con dù đã lớn nhưng chưa có công ăn việc làm là thể hiện sự nhân văn của pháp luật.

Đối với T có 1 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và 1 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 lấy đó làm các tình tiết xem xét giảm nhẹ một phần trách Nệm hình sự cho bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là

có căn cứ.

[4]. Về vật chứng của vụ án:

+ Đối với 01 đĩa sứ tròn, 1 thẻ ngân hàng có dính ma Ty cho tịch thu tiêu hủy

+ 01 tờ tiền 20.000 đồng có dính ma Ty cho tịch thu sung công

+ Đối với 01 điện thoại Iphone màu vàng thu giữ của J không liên quan đến phạm tội trả lại bị cáo

+ Đối với 01 ổ cứng có hình ảnh Camera của quán Karaoke không liên quan đến tội phạm trả lại cho bị cáo J

+ Đối với 01 cáp truyền dữ liệu sử dụng để đấu nối cắm chuyển nhạc phục vụ việc phạm tội cho tịch thu tiêu hủy

+ Đối với 01 điện thoại Oppo thu giữ của T liên quan đến mua bán ma Ty, cho tịch thu sung công

+ Đối với 01 điện thoại Redme thu giữ của T không liên quan đến tội phạm trả lại bị cáo.

[5]. Về án phí: Bị cáo Lê Văn T, Đinh Thị J bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[6]. Về những vấn đề khác của vụ án:

+ Đối với anh Đào Anh T sử dụng ma Ty kết quả dương tính với Methamphetamine và Ketamine, ngày 30/10/2023 Công an huyện K đã ra quyết định xử phạt hành chính số 221/QĐ-XPHC với số tiền là 1.500.000 đồng là đảm bảo ngU tắc mỗi hành vi vi phạm bị xử lý 1 lần, HĐXX không xem xét là có căn cứ.

+ Đối với người đưa ma Ty cho T chưa chứng minh được, khi nào làm rõ sẽ xem xét xử lý sau

+ Đối với anh Nguyễn Duy L, anh Nguyễn Xuân M, chị Hoàng Thị U, chị Lê Thị Quỳnh N, chị Lò Thị P không liên quan đến hành vi phạm tội; Anh L anh M âm tính với ma Ty; Chị U, chị N, chị P đều dương tính với ma Ty, Công an huyện K đã xử phạt hành chính mỗi chị 1.500.000 đồng, HĐXX không tiếp tục xem xét với anh L, anh M, chị U, chi N, chị P là có căn cứ.

+ Đối với quán Karaoke bị cáo J mở tại thôn X, xã J, huyện K, Hà Nội 1 phần là J thuê của UBND xã J, 1 phần thuê lại của ông Đỗ Thành D sinh năm 1976, cư trú: Q, J, K, tổ chức và cá nhân không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên HĐXX không xem xét xử lý tài sản sử dụng vào việc phạm tội là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh

+ TU bố các bị cáo Lê Văn T, Đinh Thị J cùng phạm tội "Chứa chấp việc sử

dụng trái phép chất ma Ty”

+ TU bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma Ty”

2.Về hình phạt

Căn cứ

+ Khoản 1 Điều 256; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; (điểm h khoản 1 Điều 51 và Điều 54 BLHS đối với bị cáo J); các Điều 38, 17, 58 BLHS đối với các bị cáo T, J.

+ Khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55 BLHS đối với bị cáo T.

Xử phạt:

+ Bị cáo Lê Văn T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma Ty và 30 (D mươi) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma Ty. Tổng hợp hình phạt của 2 tội bị cáo Lê Văn T phải chấp hành là 54 (Năm mươi tư) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày 05/8/2023.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Thị J 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị giữ, bị giam từ ngày 05/8/2023 đến ngày 07/9/2023.

3. *Về hình phạt bổ sung*: Không áp dụng

4. *Về vật chứng*: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng, 01 thẻ Ngân hàng AgriDnk, 01 cáp truyền dữ liệu màu trắng.

+ Tịch thu sung công:

- 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo của bị cáo Lê Văn T

+ Trả lại:

- Bị cáo Lê Văn T: 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi màu xanh đen

- Bị cáo Đinh Thị J 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng, 01 ổ cứng lưu trữ dữ liệu hình ảnh Camera

(Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K)

+ Buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp ngân sách nhà nước số tiền 4.700.000 (Bốn triệu bẩy trăm nghìn) đồng.

5. *Về án phí:* Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Dn thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 1 Luật trẻ em 2016.

+ Các bị cáo Lê Văn T, Đinh Thị J mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 136, 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự

Báo cho các bị cáo Lê Văn T, Đinh Thị J có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tU án; Anh Đào Anh T, UBND xã J, ông Đỗ Thành D vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Công an huyện K;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thiên Hương